

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi tài chính
6 tháng đầu năm 2024**

I. Thời gian: Vào hồi 14^h ngày 26 tháng 9 năm 2024

II. Địa điểm: Tại phòng chờ giáo viên-Trường THPT Lý Thường Kiệt

III. Thành phần:

- 1) Ban giám hiệu nhà trường
- 2) Chủ tịch Công đoàn nhà trường
- 3) Trưởng Ban thanh tra nhân dân;
- 4) Bà Phạm Thị Thủy-Kế toán nhà trường.

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai thực hiện dự toán thu chi tài chính 6 tháng đầu năm 2024(có biểu mẫu kèm theo)

2. Thời gian niêm yết : Từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 25 tháng 10 năm 2024.

3. Địa điểm công khai: Trên website thptlythuongkiet.haiphong.edu.vn, Công khai trên bảng tin tại phòng chờ của giáo viên.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận tài chính kế toán nhà trường để được giải đáp.

Biên bản lập xong lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe , thống nhất kí tên dưới đây



HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

NGUYỄN XUÂN HÒA

VŨ THỊ THU HUYỀN

PHẠM THỊ THỦY

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Lan

Đoàn Văn Thảo

Vũ Tiến Hưng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LÝ THƯỜNG KIỆT

Số: 155/QĐ-THPTLTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thu chi 6 tháng đầu năm 2024 của
Trường THPT Lý Thường Kiệt**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT Lý Thường Kiệt

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ GD&ĐT

Căn cứ kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch thực hiện công khai của trường THPT Lý Thường Kiệt;

Căn cứ tình hình thực tế, xét đề nghị của bộ phận kế toán Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của Trường THPT Lý Thường Kiệt (biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên website thptlythuongkiet.haiphong.edu.vn, Công khai trên bảng tin tại phòng chờ của giáo viên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng chuyên môn - nghiệp vụ, phụ trách kế toán có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hòa

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-THPTLTK ngày 26/9/2024 của trường THPT Lý Thường Kiệt)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	-	-		
1.2	Mức thu: 77.000đ/HS				
1.3	Tổng số thu trong năm	1.152	604	52,43	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.152	604	52,43	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	1.152	604	52,43	
1.6	Số chi trong năm	1.152		-	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	570		-	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	25		-	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	400		-	
	- Chi khác	157		-	
1.7	Số dư đến 30/6/2024		604		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1	Dạy thêm học thêm				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	240	240		
2.1.2	Mức thu 9.000đ/tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	6.500	3.366	51,78	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	6.740	3.606	53,50	

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	6.740	3.606	53,50	
2.1.6	Số chi trong năm	6.500	3.418	52,58	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	4.459	2.304	51,67	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	764	400	52,33	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	573	267	46,57	
	- Chi phúc lợi	573	381	66,46	
	- Chi khác	130	66	50,77	
2.1.7	Số dư đến 30/6/2024	240	188		
3	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
3.1.	Trông giữ xe				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	260	260		
3.1.2	Mức thu (Xe đạp: 30.000đ, Xe điện: 50.000đ)				
3.1.3	Tổng số thu trong năm	536	320	60	
3.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	674	580	86	
3.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	674	580	86	
3.1.6	Số chi trong năm	674	183	27	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	187	183	98	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	54		-	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	433	0	-	
	- Chi phúc lợi				
3.1.7	Số dư đến 30/6/2024	-	397		
4	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0,00	0		
4.1	Bảo hiểm Y tế học sinh				
4.1.1	Số học sinh	1660	0		
4.1.2	Mức thu K10; 11= 884.520đ/ năm; K12= 663.290đ/năm				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1.3	Tổng thu	1.213	0		
4.1.4	Đã chi	1.213	0		
4.1.5	Dư	-	0		
4.2	Bảo hiểm thân thể				
4.2.1	Số học sinh	1.660	0		
4.2.2	Mức thu 150.000đ/năm học				
4.2.3	Tổng thu	228	0		
4.2.4	Đã chi	228	0		
4.2.5	Dư	-	0		
4.3	DV phục vụ nước uống cho học sinh				
4.3.1	Số học sinh	1.600	0		
4.3.2	Mức thu 10.000đ/tháng				
4.3.3	Tổng thu	149	0		
4.3.4	Đã chi	149	0		
4.3.5	Dư	-	0		
4.4	DV phục vụ tin nhắn điện tử				
4.4.1	Số học sinh	1.300			
4.4.2	Mức thu 150.000đ/tháng				
4.4.3	Tổng thu	195			
4.4.4	Đã chi	195			
4.4.5	Dư				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	54	20	37,31	
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học thêm				
4	Trông giữ xe đạp	54	20	37,31	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	14.812	6.752	45,58	
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.812	6.752	45,58	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.812	6.752	45,58	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.012	6.752	51,89	
	Chi thanh toán cá nhân	12.160	6.081	50,01	
	Chi phí vật tư, CCDC và DV đã sử dụng	496	358	72,18	
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản thường xuyên	207	134	64,73	
	Chi thường xuyên khác	149	179	120,13	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.800			
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	40			
	Chi mua sắm sửa chữa	1.760			
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				



Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2024

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Phạm Thị Huyền



Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Xuân Hòa